| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 956/2025/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Thủ Đức, ngày 21 tháng 4 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 843/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Vĩnh Q**, sinh năm 1983;

- Bà **Phạm Lương Ngọc Á**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Căn hộ S Chung cư T, số B đường M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/4/2025, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ việc:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vĩnh Q và bà Phạm Lương Ngọc Á thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Q và bà Á có 01 người con chung tên **Vĩnh Bảo N**, sinh ngày 23/8/2020. Hai bên thống nhất giao con chung nêu trên cho bà Phạm Lương Ngọc Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ông Q cấp dưỡng cho con chung số tiền 15.000.000đồng/tháng. Việc cấp dưỡng thực hiện từ khi Tòa án ban hành Quyết định

công nhận thuận tình ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Hai bên thống nhất chịu theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH**:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**1.1.** Về quan hệ hôn nhân: Ông Vĩnh Q và bà Phạm Lương Ngọc Á thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Vĩnh Q và bà Phạm Lương Ngọc Á (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2014, quyển 01/2014 đăng ký ngày 05/3/2014 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này.

**1.2.** Về con chung: Ông Q và bà Á có 01 người con chung tên Vĩnh Bảo N, sinh ngày 23/8/2020. Giao con chung nêu trên cho bà Phạm Lương Ngọc Á trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

**1.3.** Về cấp dưỡng: Ông Vĩnh Q cấp dưỡng cho con chung số tiền 15.000.000đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh điều kiện chấm dứt, thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**1.4.** Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**1.5.** Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Q và bà Á phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông Q và bà Á đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0072979 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q và bà Á đã nộp xong lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Những người yêu cầu;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự, 12.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Danh Đời**